

Bản án số: 447/2021/HS-PT

Ngày: 22-11-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tự

Các Thẩm phán: Ông Phạm Việt Cường

Ông Nguyễn Tấn Long

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Hoàng, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Minh Lộc, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 246/2021/TLPT-HS ngày 09 tháng 3 năm 2021 đối với bị cáo **Vũ Việt D** và **đồng phạm** về tội “*Giết người*”, “*Che giấu tội phạm*”.

Do có kháng cáo của các bị cáo và đại diện hợp pháp của người bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2021/HS-ST ngày 29/01/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo:

1. Vũ Việt D, (tên gọi khác D gổ). Sinh năm 1979 tại tỉnh Hải Dương. Nơi ĐKKTT và chỗ ở: tỉnh Hải Dương. Nghề nghiệp: buôn bán. Trình độ học vấn: 12/12. Dân tộc: kinh. Tôn giáo: không. Giới tính: nam. Con ông Vũ Văn Đ (Vũ Đình Đ), sinh năm 1947, con bà Lê Thị T, sinh năm 1953. Có vợ là Phạm Thị Kim A, sinh năm 1979 và có 02 con, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2011.

Tiền án: không.

Tiền sự: ngày 19/7/2012, bị C an thành phố H, tỉnh Hải Dương xử phạt 500.000 đồng về hành vi đánh nhau, ngày 08/5/2015 chấp hành xong quyết định xử phạt.

Bị cáo ra đầu thú ngày 18/12/2014 và bị tạm giữ, tạm giam đến ngày 18/06/2016 được thay đổi biện pháp ngăn chặn theo quyết định số 02/2016/HSPT-QĐTĐBPNC ngày 13/6/2016 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng (thời gian tạm giữ, tạm giam là 18 tháng). Đến ngày 04/4/2018 bị bắt tạm giam lại cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam C an tỉnh Gia Lai, có mặt.

2. Lê A Q (tên gọi khác: Q Thi, Chả), sinh năm 1989 tại tỉnh Quảng Ninh. Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: tỉnh Quảng Ninh. Nghề nghiệp: thợ cơ khí. Trình độ học vấn: 9/12. Dân tộc: kinh. Tôn giáo: không. Giới tính: nam. Con ông Lê Đình T, sinh năm 1962, con bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1962. Có vợ là Bùi Thị Hải D, sinh năm 1990 và có 01 con sinh năm 2011.

Tiền án: không. Tiền sự: không

Nhân thân:

Bản án số 92 ngày 08/12/2006 Tòa án nhân dân thành phố U, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đến ngày 29/10/2007 chấp hành xong hình phạt tù, đã được xóa án tích.

Bản án số 11 ngày 14/3/2016 bị Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Hải Dương xử phạt 05 năm 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Bị cáo ra đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/11/2014 cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam C an tỉnh Gia Lai, có mặt.

3. Phạm Thế P, sinh năm 1985 tại Hải Phòng. Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: tỉnh Hải Dương. Nghề nghiệp: thợ cắt tóc. Trình độ học vấn: 09/12. Dân tộc: kinh. Tôn giáo: không. Giới tính: nam. Con ông Phạm Thế H, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1964. Có vợ là Nguyễn Thị T, sinh năm 1993 và có 01 con, sinh năm 2014.

Tiền án: 02 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích.

Tiền sự: không.

Bị cáo ra đầu thú ngày 15/11/2014 và bị tạm giữ, tạm giam cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam trại Trại T20 – C an tỉnh Gia Lai, có mặt.

4. Hoàng Việt D, (tên gọi khác D Trọc), sinh năm 1986 tại Hải Phòng. Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: tỉnh Gia Lai. Nghề nghiệp: buôn bán. Trình độ học vấn: 12/12. Dân tộc: kinh. Tôn giáo: không. Giới tính: nam. Con ông Hoàng C L, sinh năm 1966 và bà Hoàng Thị T, sinh năm 1966. Có vợ là Nguyễn Thị Ngọc G, và có 03 con.

Tiền án: 01 tiền án tại Bản án số 36/2011/HS-PT ngày 25/3/2011 bị TAND thành phố Hải Phòng xử phạt 18 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 35 tháng 16 ngày về tội “Cố ý gây thương tích”;

Tiền sự: không

Nhân thân: Bản án số 05/2015/HS-ST ngày 28/1/2015 của TAND quận A, thành phố Hải Phòng xử phạt 09 tháng tù về tội “Hủy hoại tài sản”. Tổng hợp

hình phạt chung của hai bản án là 27 tháng tù. Ngày 23/10/2016 chấp hành xong hình phạt tù.

Ngày 01/6/2020 ra đầu thú và bị tạm giam cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại T20 – C an tỉnh Gia Lai, có mặt.

* *Người bào chữa cho bị cáo Vũ Việt D theo chỉ định của Tòa án:* Ông Phạm Ngọc Q – Luật sư C ty Luật TNHH MTV Q, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Gia Lai, có mặt.

* *Người bào chữa cho bị cáo Vũ Việt D theo yêu cầu của bị cáo:* Ông Tạ Quang T – Luật sư C ty Luật G, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội, có mặt.

* *Người bào chữa cho bị cáo Lê A Q theo chỉ định của Tòa án:* Ông Trần Đại H – Luật sư VPLS L, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Gia Lai, có mặt.

* *Người bào chữa cho bị cáo Phạm Thế P theo chỉ định của Tòa án:* Ông Tống Đức N – Luật sư VPLS H, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Gia Lai, có mặt.

* *Người đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Đăng T:* Ông Nguyễn Đăng K, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị Kim O, sinh năm 1964, có mặt.

Địa chỉ: tỉnh Gia Lai

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Chị Phạm Thị Kim A, sinh năm 1979. Địa chỉ: tỉnh Hải Dương.
- Ông Lê Đình T, sinh năm 1962. Địa chỉ: tỉnh Quảng Ninh.
- Ông Phạm Thế H, sinh năm 1962. Địa chỉ: thành phố Hải Phòng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

a. Về hành vi phạm tội:

Khoảng 18 giờ ngày 09/10/2014, tại nhà của Hoàng Việt D ở tỉnh Gia Lai có tổ chức uống rượu, tham gia có Nguyễn Thị Ngọc G, Trần K, Nguyễn Thị Kim P, Lê Văn T, Vương Toàn K, Lê Chí C, Vũ Việt D, Lê A Q và Phạm Thế P. Đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, K rủ tất cả mọi người đến quán Bar U, địa chỉ tại thành phố P, tỉnh Gia Lai để tiếp tục uống rượu và nghe nhạc thì tất cả đồng ý và cùng đi. Khi vào quán Bar U, nhóm của Vũ Việt D được bố trí tại bàn Vip 3 quầy Bar, ngồi chơi được khoảng 30 phút thì K đi về trước, còn anh T xuống tầng dưới chơi bi da, những người còn lại tiếp tục ngồi chơi và uống rượu, (trước đó T đã đưa chìa khóa xe ô tô BKS: 82A-005.88 cho Vũ Việt D).

Đến khoảng 21 giờ 15 phút cùng ngày, anh Nguyễn Đăng T và anh Đặng C vào quán Bar U uống bia và đứng nhảy cách bàn của nhóm Vũ Việt D khoảng 05 mét. Trong lúc đứng nhảy, Nguyễn Đăng T có hành động vừa nhảy, tay cầm ghế xoay và tay có chỉ về phía bàn Vip 3. Thấy vậy, anh Nguyễn Đình Q (*người quản lý quán bar*) đến bàn hỏi nhóm của Vũ Việt D và mọi người ở đây có quen biết và mâu thuẫn gì với anh Nguyễn Đăng T hay không thì mọi người nói không

quen biết, nên anh Q đi ra, chị Nguyễn Thị Kim P đi đến nói chuyện với T, nhưng T không nghe và đẩy chị P trở về bàn.

Đến khoảng 21 giờ 35 phút cùng ngày, chị P nói tính tiền đi về, thì Hoàng Việt D, Vũ Việt D, G, P, K, C đứng dậy đi ra trước, còn Lê A Q và Phạm Thế P vẫn ngồi tại bàn, theo lời khai của Lê A Q và Phạm Thế P, khi Vũ Việt D đi ngang qua cúi người xuống dùng hai tay kéo đầu Q và P lại nói “*Hai thằng mày ở lại, lấy cái chai đập vào đầu thằng mặc quần soọc cho tao*” (ý chỉ Nguyễn Đăng T đang nhảy), rồi đi về phía cửa phòng Bar. Hoàng Việt D và chị Nguyễn Thị Kim P đi ra trước, tiếp đến Vũ Việt D, Vương Toàn K, Lê Chí C đi ra cùng nhau phía sau cách nhau khoảng 04m, khi vừa đi ngang qua chỗ của T đang nhảy thì T lao vào đòi đánh Vũ Việt D, Vương Toàn K và Lê Chí C nhưng được anh Phạm Xuân P, Đỗ Thanh A và Phạm Kim Q là bảo vệ quán Bar can ngăn, nên D, K và C tiếp tục đi ra ngoài phòng Bar. Khi thấy T lao tới đòi đánh thì Lê A Q liền cầm 01 chai rượu Chivas (còn một ít rượu) từ bàn Vip 3 chạy tới đập 01 cái vào đầu Nguyễn Đăng T. Thấy T bị đánh, anh Đặng C liền cầm ly thủy tinh (ly uống bia) ở trên bàn, ném trúng vào đầu Q, làm Q bị chảy máu. Thấy vậy, Phạm Thế P từ bàn Vip 3 chạy đến cầm ly thủy tinh ném vào người anh T, đồng thời rút con dao nhọn cất trong cặp đang đeo trước người ra đâm 01 nhát vào phía trước ngực của T, sau đó tiếp tục cầm dao đuổi C, C chạy ra ngoài phòng Bar. Còn Lê A Q sau khi bị C ném ly vào đầu thì Q cúi người xuống, tay phải rút con dao ở thắt lưng quần ra đâm 02 nhát liên tiếp trúng vào vùng lưng của T. Khi T xoay người lại Q tiếp tục đâm 01 nhát trúng vào phía trước người T làm T ngã gục xuống sàn nhà trong phòng Bar.

Lúc này, Hoàng Việt D và Vũ Việt D đang đứng chờ thang máy để đi xuống, thấy Lê A Q và Phạm Thế P chạy ra mỗi người trên tay cầm 01 con dao có dính máu. Sau đó, Q và P tiếp tục chạy vào phòng Bar, Q và P đến chỗ anh T đang nằm gục trên sàn nhà, Q dùng chân đá 01 cái vào đầu T, đồng thời cầm dao chỉ về phía các nhân viên, bảo vệ trong quán Bar đe dọa và nói “*Thằng nào đập ly vào đầu tao*”, còn P thì cầm dao cúi xuống đâm 01 nhát vào đầu T. Thấy vậy, Q chụp tay ngăn P lại, P tiếp tục cầm ly thủy tinh đang để trên bàn gần chỗ T nằm ném vào lưng của T. Khi Vũ Việt D thấy Q và P quay vào trong phòng Bar thì D đi theo vào trong phòng Bar, chỉ tay và nói “*Sao bọn bay không về đi, quay lại làm gì*”, đồng thời chỉ tay về hướng nhân viên và bảo vệ quán Bar đe dọa “*Ở đất Gia Lai này tao không sợ thằng nào*”, nói xong Vũ Việt D đi ra khỏi phòng Bar. Q và P cùng đi theo sau Vũ Việt D rồi đi xuống cầu thang bộ ra ngoài thì Lê A Q và Phạm Thế P bị một số thanh niên lấy ghế ném, P xông vào đòi đánh lại thì được Q ôm kéo ra.

Cùng lúc này, Vũ Việt D đi ra đường N lấy xe ô tô Biển kiểm soát 82A-005.88 của Lê Văn T đi về trước, Lê A Q và Phạm Thế P phía sau định lên xe của Vũ Việt D thì D không cho và nói “*Hai thằng mày đi xe khác*”. Nghe vậy, Q và P đi ra đường N thì gặp Hoàng Việt D ngồi trên xe taxi đang đi từ từ, Q và P chặn lại và lên taxi của Hoàng Việt D, trên xe taxi P nói cho đi nhờ đến ngã ba H thuộc thành phố P, tỉnh Gia Lai, Hoàng Việt D đồng ý. Trên đường đi, P có nhờ Hoàng Việt D điện thoại cho Vũ Việt D xin tiền cho Q và P, Hoàng Việt D và Vũ Việt D

có điện thoại cho nhau nói chuyện về việc có Q và P đi cùng và đưa tiền cho Q, P và hẹn gặp ở ngã ba H (chưa xác định được ai gọi cho ai trước). Đến khoảng 22 giờ 15 phút cùng ngày, Vũ Việt D điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 81X1-065.69 chở sau chị Nguyễn Thị Hải Y đến gặp Hoàng Việt D. Lúc này, Q và P đã trốn vào một bụi cây ven đường và vớt lại 02 con dao tại đây, còn Hoàng Việt D đang đứng đợi bên đường. Vũ Việt D đến và đưa cho Hoàng Việt D 1.000.000 đồng và nói Hoàng Việt D đưa tiền cho Q và P. Đưa tiền xong, Vũ Việt D điều khiển xe mô tô chở chị Y đi về. Sau đó, Hoàng Việt D đưa cho Q và P 800.000 đồng, để đón xe đi thành phố Hồ Chí Minh, còn Hoàng Việt D lên Taxi về nhà thành phố P, rồi tiếp tục điều khiển xe ô tô BKS: 81A-045.72 đến nhà anh Trần Thế T trú tại thị trấn Chư Ty huyện Đ ngủ lại. Đến khoảng 08h ngày 10/10/2014, sau khi nhận được điện thoại của anh Trần K biết T đã chết do bị đánh tại quán Bar U, biết C an sẽ triệu tập làm việc và do bản thân đang bị truy nã nên Hoàng Việt D điều khiển xe ô tô về thành phố P, tỉnh Gia Lai, khi đến khu vực tỉnh Gia Lai, thì bị C an tỉnh Gia Lai bắt giữ.

Theo lời khai của Lê A Q, trong khi đi taxi đến ngã ba H thì Hoàng Việt D có hỏi Lê A Q *“Đã đâm nó gục rồi hả”* và nói *“Hai thằng bay không gọi tên nhau nữa, thằng béo thì gọi là béo, thằng gầy thì gọi là gầy”* mục đích để người khác không biết tên. Lời khai của Hoàng Việt D ngày 19/11/2014 là phù hợp với lời khai của Lê A Q. Các lời khai sau này Hoàng Việt D không thừa nhận nội dung trên, còn Phạm Thế P ngồi bên cạnh Hoàng Việt D khai cũng không nghe thấy và Lê A Q ngồi ghế bên tài, đầu bị thương chảy máu.

Sau khi nhận tiền từ Hoàng Việt D, Lê A Q và Phạm Thế P đón xe khách đi thành phố Hồ Chí Minh, khi đến thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước thì xuống xe và điện thoại cho Vũ Việt D để xin tiền, D nói P và Q đón xe taxi đi thành phố Hồ Chí Minh gặp anh Thái Quang H (*là bạn của Vũ Việt D*), lấy số tiền 3.000.000đồng.

Đến ngày 10/10/2014, Vũ Việt D đi thành phố Hồ Chí Minh và gọi điện hẹn gặp Q và P tại một quán cà phê trên thành phố Hồ Chí Minh. Tại đây, Vũ Việt D thông báo cho Q và P biết anh Nguyễn Đăng T đã chết, D nói Q và P bỏ trốn, còn sự việc đánh chết anh Nguyễn Đăng T để Vũ Việt D giải quyết và đưa tiếp cho P và Q 3.000.000đồng vào ngày 12/10/2014 tại nhà ông Lê Trọng L.

Ngày 13/10/2014, tại quán cà phê thuộc Tp. Hồ Chí Minh, Vũ Việt D tiếp tục đưa cho Q và P số tiền 5.000.000đồng, đồng thời điện thoại cho chị Phạm Thị Kim A (*là vợ*) chuyển cho anh Lê Trọng L (*là cậu của D*) trú tại thành phố Hồ Chí Minh để lấy tiền kinh doanh qua Ngân hàng X, thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 14/10/2014 tại thành phố Hồ Chí Minh, Vũ Việt D đưa cho Q và P số tiền 5.000.000 đồng;

Ngày 15/10/2014, anh L đã giao số tiền 84.000.000đồng cho Lê A Q và Phạm Thế P.

Đầu tháng 11/2014, tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Vũ Việt D thông qua một người tên H, đưa cho Q và P số tiền 10.000.000đồng.

Tổng cộng Vũ Việt D đã đưa tiền cho P và Q để bỏ trốn là 110.800.000đồng. Vũ Việt D không thừa nhận số tiền đưa thêm cho Q và P 23.000.000đồng và chỉ thừa nhận đưa cho Q và P số tiền 87.800.000đồng là tiền công làm thuê của Q và P.

Ngoài ra, Q và P còn khai nhận trong thời gian trốn tại thành phố Hồ Chí Minh vào khoảng 19giờ từ khoảng ngày 23 đến ngày 25/10/2014 (Không nhớ rõ ngày) tại quán nhậu vỉa hè Tp. Hồ Chí Minh ngồi nhậu có Lê A Q, Phạm Thế P, Vũ Việt D và Hùng Còng. Tại đây, Vũ Việt D nói với Q và P “*Bây giờ hai thằng mày về Hải Dương giết thằng Thủ Lợn cho tao, tao sẽ lo cho hai thằng đi trốn*”. Do Q và P không đồng ý nên Vũ Việt D chỉ tay vào mặt Q và P nói “*Bây giờ hai thằng mày về giết thằng Thủ Lợn cho tao, tao sẽ tiếp tục lo cho hai thằng mày đi trốn, còn không thì bây giờ hai thằng mày có ra tòa khai cái đéo gì cũng không bao giờ làm gì được tao*”. Trong thời gian bỏ trốn, Lê A Q và Phạm Thế P đi các tỉnh Miền tây chơi và đến tỉnh Bình Thuận để làm thuê, do tiêu sài hết tiền và không liên lạc được với Vũ Việt D nên ngày 15/11/2014 Lê A Q và Phạm Thế P đến C an tỉnh Bình Thuận đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Ngày 18/12/2014, Vũ Việt D đến C an tỉnh Hải Dương đầu thú và C an tỉnh Hải Dương đã chuyển giao bị can cho Cơ quan Cảnh sát điều tra C an tỉnh Gia Lai để xử lý theo thẩm quyền.

Ngày 01/6/2020, Hoàng Việt D đến C an tỉnh Gia Lai đầu thú.

Kết quả khám nghiệm hiện trường: Hiện trường nơi xảy ra vụ án tại quán Bar U, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Tại Hiện trường phát hiện nhiều dấu vết chất màu nâu (nghi máu) dạng loang, quệt, nhỏ, giọt. Cơ quan điều tra đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, thu giữ các vật chứng, dấu vết liên quan để phục vụ cho công tác điều tra theo quy định của pháp luật

Kết quả khám nghiệm tử thi

Phát hiện anh Nguyễn Đăng T có 05 vết thương hình khe tại vùng cằm phải, ngực trái, ngực phải, lưng phải và vùng thắt lưng phải. Ngoài ra, trên người Nguyễn Đăng T còn có 04 thương tích khác: Tại vùng đỉnh cằm có khối sưng nề, trong vùng sưng nề có 02 vết rách da song song nhám nhờ; vùng cằm phải có vết rách da; mặt trong cẳng chân phải có vết rách da.

Giải phẫu vùng ngực thấy: Vết thương vùng ngực trái xuyên qua gian sườn số 4 bên trái, làm thủng bao tim, kích thước (3 x 1) cm, trong bao tim có khoảng 200 gram máu đông cục và máu lỏng, vết làm thủng mặt trước tâm thất trái tim kích thước (2,5 x 0,7) cm.

Giải phẫu vùng đầu thấy: Mô cơ dưới da sưng nề, dập nát, tụ máu, nền hộp sọ không rạn không nứt.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 45/TTPY ngày 17/10/2014 của Trung tâm giám định pháp y tỉnh Gia Lai, kết luận anh Nguyễn Đăng T chết do: *“Mất máu cấp/ vết thương thấu ngực gây thủng tim do vật sắc nhọn”*. (BL số 18-19).

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã lập biên bản thu giữ trích xuất dữ liệu hình ảnh từ 06 (sáu) camera giám sát trong quán Bar U để giám định. Tại Kết luận giám định số: 5931/C54-P6 ngày 14/02/2017 của Viện Khoa học hình sự, Bộ Công an kết luận: *“Không tìm thấy dấu vết cắt, ghép hình ảnh trong 06 (sáu) tệp video gửi giám định; không phát hiện âm thanh trong 06 (sáu) tệp video gửi giám định”*.

Về vật chứng của vụ án:

Quá trình khám nghiệm Hiện trường đã thu giữ: 01 chiếc dép xốp; 02 vỏ bao đựng dao; 01 khăn bịt mặt; 01 áo Jean; 03 chai nhựa; 01 chai rượu Chivas Regal 12 và 09 ly thủy tinh

Thu 01 USB lưu trữ 06 nội dung Camera đã ghi lại hình ảnh trong khoảng thời gian từ 21 giờ đến 22 giờ ngày 09/10/2014, tại quán bar U số 67 đường N, phường H, thành phố P

Đối với 02 con dao theo lời khai của Lê A Q và Phạm Thế P khai nhận có đặc điểm dài khoảng 25 cm, lưỡi bằng kim loại dài khoảng 15 cm, mua tại chợ Chư Pnôn, nhưng không nhớ người bán. Sau khi gây án Lê A Q đã vứt bên lề đường gần khu vực dốc H thuộc tỉnh Gia Lai. Cơ quan điều tra đã tổ chức xác minh, truy tìm nhưng không thấy do vậy không thu giữ được

b. Về trách nhiệm dân sự:

Bà Nguyễn Thị Kim O và ông Nguyễn Đăng K là đại diện hợp pháp cho bị hại yêu cầu các bị can phải bồi thường tiền chi phí mai táng, tiền thiệt hại trong kinh doanh và trả ngân hàng. Tổng cộng: 411.191.664đ. Ngoài ra các bị can phải bồi thường tổn thất về tinh thần và các chi phí khác theo quy định của pháp luật.

Gia đình các bị can Lê A Q, Phạm Thế P và Vũ Việt D đã bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 30.000.000 đồng (Số tiền đặt phúng viên đặt trên bàn thờ, bà Nguyễn Thị Kim O không công nhận đây là số tiền bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả).

Ngày 30/10/2019, ông Nguyễn Đăng K và bà Nguyễn Thị Kim O có đơn đề nghị thay đổi yêu cầu bồi thường cụ thể:

Tiền mai táng 88.786.000đồng; Tiền tổn thất tinh thần 149.000.000đồng; Tiền gốc và lãi do bị hại T vay ngân hàng 58.386.000đồng; Tiền thiệt hại do ngừng kinh doanh 146.852.164 đồng, tổng cộng 443.024.164 đồng. Ngoài ra, yêu cầu các bị cáo phải bồi thường chi phí cấp dưỡng cho ông Nguyễn Đăng K kể từ khi đủ 60 tuổi và bà Nguyễn Thị Kim O, đủ 55 tuổi trở lên phụ cấp hàng tháng là 745.000đồng/ 01 tháng cho một người cho đến khi chết.

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 10/03/2016 và ngày 02/8/2016 gia đình các bị can đã nộp tại Cục thi hành án Dân sự tỉnh Gia Lai tiền án phí và khắc phục hậu

quả. Trong đó gia đình Lê A Q, Phạm Thế P mỗi gia đình nộp 27.363.121 đồng để bồi thường và gia đình Vũ Việt D nộp 200.000 đồng tiền án phí.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2021/HS-ST ngày 29/01/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã quyết định:

1. Về tội danh và hình phạt:

Tuyên bố các bị cáo Vũ Việt D, Lê A Q, Phạm Thế P phạm tội “*Giết người*”; bị cáo Hoàng Việt D phạm tội “*Che giấu tội phạm*”

- Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17 Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo **Vũ Việt D 20 (hai mươi) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 04/4/2018, được khấu trừ 18 tháng đã bị tạm giữ, tạm giam tính từ ngày 18/12/2014 đến ngày 18/6/2016.

- Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17 Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo **Lê A Q 17 (mười bảy) năm tù**.

Tổng hợp với hình phạt 05 năm 06 tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo Bản án hình sự sơ thẩm số: 11/2016/HS-ST ngày 14/3/2016 của Tòa án Nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương, bị cáo Lê A Q phải chấp hành hình phạt chung là **22 (hai mươi hai) năm 06 (sáu) tháng** tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 15/11/2014;

- Áp dụng điểm n, p khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm e khoản 1 Điều 52, Điều 38; Điều 17 Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo **Phạm Thế P 17 (mười bảy) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 15/11/2014;

- Áp dụng khoản 1 Điều 389; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo **Hoàng Việt D 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng** tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam 01/6/2020.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, 587, 591 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Buộc bị cáo Vũ Việt D phải bồi thường thiệt hại cho đại diện hợp pháp của người bị hại là ông Nguyễn Đăng K, bà Nguyễn Thị Kim O với tổng số tiền là 120.000.000 đồng, đã bồi thường được 10.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0001679 ngày 27/5/2016 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai (người nộp tiền là chị Phạm Thị Kim A), bị cáo Vũ Việt D còn phải tiếp tục bồi thường số tiền còn lại là 110.000.000đ (một trăm mười triệu đồng).

Bảo lưu số tiền 200.000 đồng của bị cáo Vũ Việt D đã nộp theo Biên lai thu tiền số: 0001679 ngày 27/5/2016 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai, để bảo đảm cho công tác thi hành án dân sự;

C nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Kim O, ông Nguyễn Đăng K về việc không buộc bị cáo Lê A Q và bị cáo Phạm Thế P phải có trách nhiệm tiếp tục bồi thường.

Ngoài ra bản án còn quyết định về phân xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Kháng cáo:

Ngày 01/02/2021, bị cáo Vũ Việt D có đơn kháng cáo đề nghị xem xét mức án đối với bị cáo là quá nghiêm khắc và không đúng với hành vi của bị cáo.

Ngày 01/02/2021, bị cáo Hoàng Việt D có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt

Ngày 08/02/2021, bị cáo Lê A Q có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 08/02/2021, người đại diện hợp pháp của người bị hại ông Nguyễn Đăng K và bà Nguyễn Thị Kim O có đơn kháng cáo đề nghị mức án cao nhất đối với bị cáo Vũ Việt D; đề nghị áp dụng mức án cao nhất trong khung hình phạt đối với bị cáo Hoàng Việt D; giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Lê A Q và Phạm Thế P; xem xét lại các khoản tiền bồi thường thiệt hại trong vụ án; đề nghị chuyển hành vi làm sai lệch hồ sơ vụ án cho Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo và người đại diện hợp pháp của người bị hại giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu:

*** Đối với kháng cáo của bị cáo Vũ Việt D:**

Lời khai của các bị cáo Q, P khẳng định việc đánh, chém làm bị hại T tử vong là thực hiện theo sự chỉ đạo của bị cáo Vũ Việt D, hoàn toàn phù hợp với diễn biến của vụ việc, phù hợp với mối quan hệ thực tế giữa bị cáo D và các bị cáo P, Q là có sự ràng buộc phụ thuộc nhất định (vì P, Q là người làm thuê cho D).

Sau khi biết P và Q đã đánh chém bị hại, trực tiếp chứng kiến bị hại đang còn nằm gục dưới sàn nhà thì bị cáo Vũ Việt D còn quay lại chỉ tay về phía các nhân viên và bảo vệ của quán bar nói lớn: “Ở đất Gia Lai này tao không sợ thằng nào”. Câu nói này diễn ra trong hoàn cảnh các bị cáo P, Q vừa mới đánh chém bị hại T (còn đang nằm tại sàn nhà) rõ ràng là muốn gửi đến những người khác lời cảnh báo về hậu quả khi dám trêu chọc và khiêu khích nhóm của bị cáo. Qua đó, cũng thể hiện rõ sự đồng tình của Vũ Việt D đối với hành vi và hậu quả mà các bị cáo P, Q vừa mới gây ra cho bị hại T.

Chỉ trong thời gian ngắn Vũ Việt D đã chi tổng cộng 110.800.000đ để cho các bị cáo P, Q lẫn trốn càng thể hiện rõ thêm vai trò chỉ đạo, xúi giục của bị cáo Vũ Việt D trong hành vi phạm tội của các bị cáo P, Q. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 28/01/2021 bị cáo Vũ Việt D cũng khai “*Bị cáo có đưa tiền cho P và Q mục đích là do bản thân bị cáo bối rối, Q và P nói cho Q và P 4000 đô để trốn, bị cáo nghĩ đó là đưa tiền lương*”. Như vậy, chính bị cáo D cũng thừa nhận Q và P yêu cầu bị cáo D đưa tiền để trốn chứ không phải yêu cầu D trả tiền lương.

Căn cứ các chứng cứ tài liệu có tại hồ sơ, kết quả thẩm vấn công khai tại các phiên tòa trước đây có đủ cơ sở để xác định: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Vũ Việt D về tội “*Giết người*” với vai trò là người chủ mưu, xúi giục là có căn cứ, không oan. Xét nguyên nhân ban đầu dẫn đến vụ án cũng một phần là do người bị hại đã có những hành vi không chuẩn mực, làm cho nhóm các bị cáo bức xúc. Bị cáo Vũ Việt D không trực tiếp gây ra cái chết cho bị hại. Quá trình điều tra đã tự nguyện khắc phục một phần hậu quả. Từ đó cấp sơ thẩm áp dụng mức hình phạt 20 năm tù đối với bị cáo là đúng quy định của pháp luật, tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội bị cáo đã thực hiện.

Vì vậy, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vũ Việt D cho rằng cấp sơ thẩm xét xử không đúng với hành vi phạm tội của bị cáo cũng như không có cơ sở chấp nhận quan điểm của bị cáo và luật sư cho rằng bị cáo không phạm tội “*Giết người*”.

*** Đối với kháng cáo của bị cáo Lê A Q:**

Trong vụ án này bị cáo Q giữ vai trò là người thực hành tích cực. Hậu quả bị hại tử vong là do hành vi của bị cáo Q cùng với bị cáo P trực tiếp gây ra. Bị cáo Q và bị cáo P không có mâu thuẫn gì với bị hại, chỉ vì bị hại có hành vi, cử chỉ chưa chuẩn mực và sau lời xúi giục của bị cáo Vũ Việt D thì các bị cáo liền dùng hung khí nguy hiểm đánh chém bị hại thể hiện rõ sự côn đồ hung hãn, coi thường pháp luật, coi thường tính mạng, sức khỏe của người khác. Bị cáo có nhân thân xấu vào các năm 2006 và 2016 đã từng bị xét xử về các tội “*Trộm cắp tài sản*” với mức hình phạt 09 tháng tù và tội “*Cố ý gây thương tích*” với mức hình phạt 05 năm 06 tháng tù. Đáng lẽ cần phải áp dụng mức hình phạt cao hơn 17 năm tù với bị cáo mới tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội bị cáo đã gây ra.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Thành khẩn khai báo*”, “*tự nguyện khắc phục một phần hậu quả*”, “*được đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt*” và “*sau khi phạm tội đã ra đầu thú*” để từ đó chỉ xử phạt bị cáo 17 năm tù đã thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với bị cáo. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị

cáo Lê A Q về việc xin giảm nhẹ hình phạt.

*** Đối với kháng cáo của bị cáo Hoàng Việt D:**

Bị cáo phạm tội bị xét xử lần này trong khi đang có tiền án về tội “*Cố ý gây thương tích*” đồng thời đang bị truy nã về tội “*Hủy hoại tài sản*” cho thấy nhân thân rất xấu. Bị cáo chỉ được áp dụng 01 tình tiết giảm nhẹ TNHS là “*thành khẩn khai báo*”. Tuy nhiên, xét quá trình điều tra ban đầu bị cáo không nhận tội, chỉ sau khi các cơ quan tiến hành tố tụng điều tra, xác minh làm rõ đầy đủ các chứng cứ buộc tội bị cáo thì bị cáo mới nhận tội. Vì vậy, việc xem xét tình tiết giảm nhẹ “*thành khẩn khai báo*” cũng chỉ ở mức độ hạn chế nhất định. Mức hình phạt 02 năm 06 tháng tù cũng chỉ mới ở mức trung bình của khung hình phạt bị xét xử (từ 06 tháng đến 05 năm). Vì vậy, mức hình phạt cấp sơ thẩm đã áp dụng với bị cáo là không nặng, không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo của bị cáo Hoàng Việt D.

*** Đối với kháng cáo của đại diện bị hại:**

- Xét các nội dung đề nghị áp dụng mức hình phạt tử hình đối với bị cáo Vũ Việt D, đề nghị tăng hình phạt với Hoàng Việt D, đồng thời đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo Lê A Q và Phạm Thế P thấy rằng:

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng đúng, đầy đủ các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo. Mức hình phạt đối với các bị cáo Vũ Việt D và Hoàng Việt D là tương xứng. Mức hình phạt với các bị cáo Lê A Q và Phạm Thế P đã là nhẹ so với hành vi phạm tội các bị cáo đã thực hiện (đã phân tích tại phần xét kháng cáo của các bị cáo trên). Do đó, các nội dung kháng cáo về việc đề nghị áp dụng mức hình phạt tử hình với bị cáo Vũ Việt D, đề nghị tăng hình phạt với Hoàng Việt D, đồng thời đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo Lê A Q và Phạm Thế P là không có căn cứ để chấp nhận.

- Xét nội dung đề nghị cấp phúc thẩm chuyển hành vi làm sai lệch vụ án cho cơ quan điều tra của Viện kiểm sát nhân dân tối cao thấy:

Các bị cáo P, Q khai được cho tiếp xúc với Vũ Việt D, ở cùng trong 01 phòng khi đối chất vào ngày 29/01/2015 dẫn đến có 01 giai đoạn sau đó P, Q thay đổi lời khai theo hướng D không phải là người chỉ đạo, xúi giục. Việc trên đã được VKSND tỉnh làm việc yêu cầu những người liên quan giải trình (có tại hồ sơ vụ án) và báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định. Cho đến thời điểm hiện tại bị cáo Vũ Việt D và tất cả các bị cáo trong vụ án này đều đã được xem xét xử lý đúng người, đúng tội. Nếu ông K, bà O có các chứng cứ khác thì có thể gửi đến Cơ quan điều tra của Viện kiểm sát nhân dân tối cao xem xét theo quy định.

- Xét nội dung đề nghị xem xét lại khoản tiền đền bù thấy:

Ông K và bà O kháng cáo đề nghị xem xét khoản tiền gia đình đã vay ngân hàng chính sách xã hội khi bị hại còn đi học đại học. Sau khi bị hại T chết, gia đình đã trả cho ngân hàng chính sách tổng cộng cả gốc và lãi là 60.807.602 đồng, thấy: nghĩa vụ trả nợ ngân hàng đối với khoản vay nêu trên là nghĩa vụ của người vay phát sinh thông qua hợp đồng vay vốn được ký kết giữa ngân hàng và người vay. Khoản 1 Điều 3 Q định số: 157/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định: “Việc cho vay đối với học sinh, sinh viên được thực hiện theo phương thức cho vay thông qua hộ gia đình. Đại diện hộ gia đình là người trực tiếp vay vốn và có trách nhiệm trả nợ Ngân hàng Chính sách xã hội.”. Như vậy, đại diện hộ gia đình là ông K và bà O là người trực tiếp vay tiền và phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng. Các bị cáo trong vụ án này không có nghĩa vụ phải trả khoản nợ vay trên. Vì vậy, ông K, bà O yêu cầu các bị cáo phải bồi hoàn khoản vay trên là không có căn cứ để chấp nhận.

Từ những căn cứ và phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của các bị cáo và kháng cáo của đại diện hợp pháp bị hại, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

Luật sư Phạm Ngọc Quang và Tạ Quang Trang bào chữa cho bị cáo Vũ Việt D trình bày:

Lời khai của bị cáo Q, P về việc xúi giục của bị cáo Vũ Việt D có sự thay đổi và không thống nhất trong quá trình điều tra nên không thể căn cứ các lời khai này để buộc tội bị cáo. Số tiền mà bị cáo Vũ Việt D đưa cho các bị cáo Q và P là tiền công. Việc các bị cáo Q, P khai lại Vũ Việt D không xúi giục đánh anh T là tự nguyện, đúng sự thật, không có sự thông cung vì các Điều tra viên, Kiểm sát viên có bản giải trình tại hồ sơ vụ án khẳng định không có việc này. Mặt khác, kết quả trích xuất hình ảnh camera không thể hiện trước khi Vũ Việt D ra về có hành vi dùng tay kéo đầu hai bị cáo Q, P để bàn bạc. Lời khai của nhân chứng không có ai nêu ra tình tiết này. Do vậy, theo nguyên tắc suy đoán vô tội và nguyên tắc chứng minh tội phạm quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo Vũ Việt D không phạm tội “Giết người”, chỉ phạm tội “Che giấu tội phạm”.

Luật sư Tống Đức Ngũ bào chữa cho bị cáo Phạm Thế P và Luật sư Trần Đại Huân bào chữa cho bị cáo Lê A Q cho rằng các bị cáo P, Q có nhiều tình tiết giảm nhẹ, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên mức hình phạt đối với các bị cáo là cao, đề nghị giảm cho các bị cáo một phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Q, P và Hoàng Việt D khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung của bản án sơ thẩm. Lời khai của các bị cáo Q, P và Hoàng Việt D tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều

tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án; có đủ cơ sở kết luận:

[2] Vào khoảng 21 giờ 35 phút ngày 09/10/2014, tại quán Bar U số 67 đường N, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai, có xảy ra mâu thuẫn giữa anh Nguyễn Đăng T và nhóm ngồi bàn Vip 3 của Vũ Việt D. Khi Hoàng Việt D, Vũ Việt D, Vương Toàn K và Lê Chí C đi về, Vũ Việt D có hành động dùng tay kéo đầu Q và P lại nói: *“hai thằng mày ở lại, lấy cái chai đập vào đầu thằng mặc quần soọc cho tao”*, rồi đi ra cùng mọi người. Khi nhóm Vũ Việt D đi qua bàn Nguyễn Đăng T, Đặng C đang đứng nhảy và nhìn T, thì T đã xông vào đòi đánh Vũ Việt D, nhưng được nhân viên bảo vệ quán Bar can ngăn nên Vũ Việt D, Vương Toàn K và Lê Chí C tiếp tục đi ra cửa để về. Thấy vậy, Lê A Q đã cầm chai rượu Chivas trên bàn xông đến đập vào đầu Nguyễn Đăng T 01 cái. Sau đó, Phạm Thế P dùng dao đâm anh Nguyễn Đăng T 02 nhát, Lê A Q dùng dao đâm anh Nguyễn Đăng T 03 nhát. Hậu quả làm anh Nguyễn Đăng T chết do *“Mất máu cấp/ vết thương thấu ngực gây thủng tim do vật sắc nhọn”*. Việc Q, P đánh và đâm gây nên cái chết của anh T là xuất phát từ lời xúi giục của bị cáo Vũ Việt D.

[3] Sau khi biết Lê A Q và Phạm Thế P gây án, Hoàng Việt D là người tạo điều kiện cho Q và P bỏ trốn bằng việc chở các bị cáo P và Q đến nơi đi trốn, liên lạc để Vũ Việt D giao tiền cho mình rồi đưa lại cho Q và P để 2 bị cáo này bỏ trốn vào thành phố Hồ Chí Minh.

[4] Hành vi của bị cáo Phạm Thế P đã phạm tội: *“Giết người”* với tình tiết tăng nặng định khung theo điểm n, p khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Lê A Q và Vũ Việt D phạm tội: *“Giết người”* với tình tiết tăng nặng định khung theo điểm n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Hoàng Việt D phạm tội: *“Che giấu tội phạm”* theo khoản 1 Điều 389 Bộ luật Hình sự như bản án sơ thẩm đã qui kết là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét kháng cáo của bị cáo Vũ Việt D:

[5] Mặc dù bị cáo Vũ Việt D và Luật sư bào chữa cho rằng bị cáo không có hành vi xúi giục, tuy nhiên: tại biên bản hỏi cung ngày 18/11/2014 (bút lục 127), Phạm Thế P khai: *“D béo ghé vào tai tôi nói nhỏ: Lát nữa trả tiền xong, hai đứa bây lấy chai đập vào đầu thằng mặc quần soọc kia cho tao”*. Tại biên bản hỏi cung ngày 18/11/2014 (bút lục 93), Lê A Q khai: *“D gõ dặn tôi và P: hai thằng bây ở lại đập chai vào đầu nó cho tao”*. Tại các phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo Q, P đều có lời khai khẳng định việc tấn công T là do bị cáo Vũ Việt D xúi giục. Tại biên bản phiên tòa sơ thẩm ngày 7/12/2017 (bút lục 1264) Lê A Q khai: *“Vũ Việt D kéo bị cáo và P lại nói hai thằng mày ở lại, tao và mọi người ra trước, tụi mày cầm chai rượu đập vào đầu thằng đó cho tao”*. Bị cáo Hoàng Việt D khai: *“khi ngồi ở bàn vip 3 có thấy Vũ Việt D ghé sát tai của P nói chuyện 2-3 lần, lần cuối là khoảng 5 phút trước khi về”* (bút lục 1994, 2006 và 2014); và: *“khi gần đến cửa tôi nghe thấy ồn ào, thủy tinh vỡ phía sau, tôi quay lại thấy Vũ Việt D, Lê A Q, Phạm Thế P đánh nhau với T và C,...tôi tiếp tục đi ra ngoài...khoảng 5 phút sau thì thấy D, Q, P đi ra ngoài, trên tay Q, P mỗi người có cầm một con dao dính máu”* (bút lục 211, 204, 208). Nhân chứng chị Phạm Kim Q khai: *“Khi bàn*

vip 3 đi về, có 3 người nam và 3 người nữ đi trước, còn lại 03 người nam ngồi trong quán. Khi 3 người nam 3 người nữ ra gần tới cửa thì T xông đến đòi đánh, thì thanh niên ngồi lại cầm dao đến đâm vào phía trước T làm T gục xuống, người thanh niên mặc áo caro đỏ cầm dao đến đâm T nhưng người thanh niên đầu tiên gạt ra. Người cầm dao thứ ba làm gì tôi không để ý” (bút lục 271-272); chị Nguyễn Thị Thu T khai thấy Vũ Việt D cùng với Q và P bàn bạc trước khi Q và P đánh, đâm T (bút lục 283).

[6] Sau khi sự việc đâm chết Nguyễn Đăng T xảy ra, Vũ Việt D đã thông qua Hoàng Việt D, người quen của D và trực tiếp cung cấp cho Lê A Q, Phạm Thế P với tổng số tiền 110.800.000đ để Q và P bỏ trốn.

[7] Lời khai của bị cáo Q, P phù hợp với lời khai của các nhân chứng, như vậy có cơ sở xác định bị cáo Q, P tấn công T là do bị cáo Vũ Việt D xúi giục. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Vũ Việt D về tội “*Giết người*” với vai trò đồng phạm là có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó, Luật sư bào chữa và bị cáo Vũ Việt D cho rằng bị cáo không có hành vi xúi giục mà chỉ phạm tội “*Che giấu tội phạm*” là không có cơ sở.

[8] Về mức hình phạt: Bị cáo Vũ Việt D có hành vi khởi xướng, xúi giục dẫn đến việc Q, P sử dụng các hung khí nguy hiểm đánh, đâm anh T chết. Sau khi vụ án xảy ra, Vũ Việt D đã nhiều lần nhờ người khác và trực tiếp gặp Q, P để chuyển số tiền 110.800.000 đồng, đồng thời xúi giục Q và P bỏ trốn.

[9] Tòa án cấp sơ thẩm đã xét bị cáo Vũ Việt D ra đầu thú, bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 10.000.000 đồng, bị cáo có cha ruột là người có công với cách mạng, bị cáo đang mắc bệnh hiểm nghèo suy tim độ II, độ III nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; về nhân thân bị cáo Vũ Việt D có 1 tiền sự bị xử phạt hành chính. Với vai trò là người xúi giục, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 20 năm tù là tương xứng với tính chất và mức độ, hậu quả hành vi phạm tội. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ mới nên không có cơ sở xét giảm hình phạt.

Xét kháng cáo của bị cáo Lê A Q:

[10] Bị cáo sau khi phạm tội đã ra đầu thú, tác động gia đình bồi thường cho gia đình bị hại; tuy quá trình điều tra, xét xử vụ án trước đây lời khai có sự thay đổi, nhưng lời khai ban đầu và sau cùng, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, biết ăn năn hối cải, được đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, nên bị cáo Q được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; về nhân thân và tình tiết tăng nặng, bị cáo Q đã bị Tòa án xét xử kết tội 2 lần. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết tăng nặng và tình tiết giảm nhẹ trên, xử phạt bị cáo 17 năm tù là tương xứng với tính chất và mức độ, hậu quả hành vi phạm tội. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ mới nên không có cơ sở xét giảm hình phạt.

Xét kháng cáo của bị cáo Hoàng Việt D:

[11] Bị cáo Hoàng Việt D có hành vi che giấu tội phạm, khi biết bị khởi tố đã ra đầu thú, thành khẩn khai báo nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Về nhân thân và tình tiết

tăng nặng: bị cáo Hoàng Việt D có 1 tiền án và 1 lần bị xét xử phạt tù vào ngày 28/1/2015 nên bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết tăng nặng và tình tiết giảm nhẹ trên, xử phạt bị cáo 02 năm 06 tháng tù là tương xứng với tính chất và mức độ, hậu quả hành vi phạm tội. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ mới nên không có cơ sở xét giảm hình phạt.

Xét kháng cáo của đại diện người bị hại:

[12] Như đã phân tích trên, khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết tăng nặng và tình tiết giảm nhẹ đối với các bị cáo, mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên đối với các bị cáo là tương xứng với tính chất và mức độ, hậu quả hành vi phạm tội nên kháng cáo của đại diện người bị hại đề nghị mức án cao nhất đối với bị cáo Vũ Việt D, đề nghị áp dụng mức án cao nhất trong khung hình phạt đối với bị cáo Hoàng Việt D, đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Lê A Q và Phạm Thế P là không có cơ sở chấp nhận.

[13] Về trách nhiệm dân sự: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đầy đủ các khoản tiền bồi thường thiệt hại, phù hợp với thiệt hại thực tế phát sinh từ việc anh T chết và phù hợp với qui định của pháp luật. Do đó, đại diện hợp pháp của người bị hại yêu cầu xem xét lại các khoản tiền bồi thường thiệt hại trong vụ án là không có cơ sở chấp nhận.

[14] Về đề nghị xem xét hành vi làm sai lệch hồ sơ vụ án, nếu có chứng cứ, đại diện hợp pháp của người bị hại có quyền yêu cầu Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao xem xét.

[15] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Vũ Việt D, Lê A Q, Hoàng Việt D;

Không chấp nhận kháng cáo của người đại diện hợp pháp của người bị hại ông Nguyễn Đăng K và bà Nguyễn Thị Kim O;

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2021/HS-ST ngày 29/01/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

1. Về tội danh, hình phạt:

Tuyên bố các bị cáo Vũ Việt D, Lê A Q, Phạm Thế P phạm tội “*Giết người*”; bị cáo Hoàng Việt D phạm tội “*Che giấu tội phạm*”

a. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Vũ Việt D 20 (hai mươi)** năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 04/4/2018, được khấu trừ 18 tháng đã bị tạm giữ, tạm giam tính từ ngày 18/12/2014 đến ngày 18/6/2016.

b. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Lê A Q 17 (mười bảy)** năm tù.

Tổng hợp với hình phạt 05 năm 06 tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo Bản án hình sự sơ thẩm số: 11/2016/HSST ngày 14/3/2016 của Tòa án Nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương, bị cáo Lê A Q phải chấp hành hình phạt chung là **22 (hai mươi hai) năm 06 (sáu) tháng** tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 15/11/2014.

c. Áp dụng điểm n, p khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm e khoản 1 Điều 52, Điều 38; Điều 17 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Phạm Thế P 17 (mười bảy)** năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 15/11/2014.

d. Áp dụng khoản 1 Điều 389; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Hoàng Việt D 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng** tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam 01/6/2020.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, 587, 591 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Buộc bị cáo Vũ Việt D phải bồi thường thiệt hại cho đại diện hợp pháp của người bị hại là ông Nguyễn Đăng K, bà Nguyễn Thị Kim O với tổng số tiền là 120.000.000 đồng, đã bồi thường được 10.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0001679 ngày 27/5/2016 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai (người nộp tiền là chị Phạm Thị Kim A), bị cáo Vũ Việt D còn phải tiếp tục bồi thường số tiền còn lại là 110.000.000đ (Một trăm mười triệu đồng).

Bảo lưu số tiền 200.000 đồng của bị cáo Vũ Việt D đã nộp theo Biên lai thu tiền số: 0001679 ngày 27/5/2016 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai, để bảo đảm cho công tác thi hành án dân sự;

C nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Kim O, ông Nguyễn Đăng K về việc không buộc bị cáo Lê A Q và bị cáo Phạm Thế P phải có trách nhiệm tiếp tục bồi thường.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án mà bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự 2015, nếu không có thỏa thuận về lãi thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí:

Các bị cáo Vũ Việt D, Lê A Q, Hoàng Việt D; mỗi người phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000đ.

Người đại diện hợp pháp của người bị hại ông Nguyễn Đăng K và bà Nguyễn Thị Kim O phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ.

4. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSĐT- C an tỉnh Gia Lai;
- Phòng HSNV- C an tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSTHAHS - C an tỉnh Gia Lai;
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Cục THADS tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Tự